

I. Biểu phí: Đơn vị tính: VND
1. Đông Nam Á (Brunei, Cambodia, Indonesia, Laos, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thailand)

Số ngày/chuyến đi	Đồng	Bạc	Titan	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương
	250.000.000	500.000.000	750.000.000	1.250.000.000	1.750.000.000	2.500.000.000
Cho tới 5 ngày	112.500	125.000	150.000	175.000	200.000	275.000
Cho tới 8 ngày	162.500	175.000	200.000	225.000	250.000	325.000
Cho tới 15 ngày	250.000	275.000	300.000	350.000	400.000	550.000
Cho tới 24 ngày	400.000	425.000	450.000	500.000	575.000	775.000
Cho tới 31 ngày	525.000	550.000	575.000	625.000	725.000	900.000
Cho tới 45 ngày	625.000	650.000	725.000	825.000	1.000.000	1.275.000
Cho tới 60 ngày	725.000	750.000	950.000	1.025.000	1.250.000	1.625.000
Cho tới 90 ngày	925.000	975.000	1.250.000	1.425.000	1.725.000	2.325.000
Cho tới 120 ngày	1.125.000	1.175.000	1.575.000	1.825.000	2.225.000	3.000.000
Cho tới 150 ngày	1.325.000	1.375.000	1.875.000	2.225.000	2.750.000	3.700.000
Cho tới 180 ngày	1.525.000	1.575.000	2.200.000	2.625.000	3.225.000	4.400.000

2. Châu Á (ASEAN, Australia, China, Hong Kong, India, Korea, Macau, New Zealand, Taiwan, loại trừ Nhật Bản)

Số ngày/chuyến đi	Đồng	Bạc	Titan	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương
	250.000.000	500.000.000	750.000.000	1.250.000.000	1.750.000.000	2.500.000.000
Cho tới 5 ngày	137.500	150.000	175.000	200.000	250.000	350.000
Cho tới 8 ngày	187.500	200.000	225.000	250.000	325.000	425.000
Cho tới 15 ngày	300.000	325.000	350.000	400.000	475.000	725.000
Cho tới 24 ngày	450.000	475.000	500.000	600.000	775.000	1.050.000
Cho tới 31 ngày	550.000	575.000	625.000	675.000	900.000	1.150.000
Cho tới 45 ngày	650.000	675.000	775.000	900.000	1.250.000	1.625.000
Cho tới 60 ngày	725.000	775.000	975.000	1.075.000	1.600.000	2.075.000
Cho tới 90 ngày	950.000	1.000.000	1.300.000	1.450.000	2.150.000	2.975.000
Cho tới 120 ngày	1.150.000	1.200.000	1.600.000	1.875.000	2.750.000	3.000.000
Cho tới 150 ngày	1.350.000	1.400.000	1.900.000	2.225.000	3.375.000	3.850.000
Cho tới 180 ngày	1.550.000	1.600.000	2.200.000	2.625.000	3.950.000	4.775.000

3. Toàn cầu (ASEAN, ASIÀ và các nước còn lại ngoại trừ các nước Afghanistan, CHDC Congo, Iran, Iraq, Liberia, Sudan và Syria)

Số ngày/chuyến đi	Đồng	Bạc	Titan	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương
	250.000.000	500.000.000	750.000.000	1.250.000.000	1.750.000.000	2.500.000.000
Cho tới 5 ngày	162.500	175.000	200.000	225.000	275.000	375.000
Cho tới 8 ngày	225.000	250.000	275.000	300.000	350.000	475.000
Cho tới 15 ngày	350.000	375.000	400.000	475.000	550.000	875.000
Cho tới 24 ngày	475.000	500.000	550.000	650.000	850.000	1.200.000
Cho tới 31 ngày	600.000	625.000	675.000	775.000	1.125.000	1.425.000
Cho tới 45 ngày	725.000	775.000	875.000	1.000.000	1.450.000	1.925.000
Cho tới 60 ngày	875.000	925.000	1.100.000	1.250.000	1.800.000	2.425.000
Cho tới 90 ngày	1.200.000	1.250.000	1.525.000	1.750.000	2.500.000	2.750.000
Cho tới 120 ngày	1.500.000	1.550.000	1.925.000	2.250.000	3.200.000	3.525.000
Cho tới 150 ngày	1.800.000	1.850.000	2.325.000	2.750.000	3.900.000	4.525.000
Cho tới 180 ngày	2.100.000	2.150.000	2.700.000	3.250.000	4.600.000	5.525.000

- Biểu phí gia đình: Gấp đôi biểu phí cá nhân (biểu phí gia đình áp dụng cho gia đình gồm vợ, chồng và một người con hợp pháp dưới 18 tuổi)
- Người được bảo hiểm trên 70 tuổi: phí cá nhân*150%

GIỚI THIỆU VỀ PTI

Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI) là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam. PTI tự hào là đơn vị đứng đầu về Bảo hiểm xe cơ giới, đứng thứ hai về Bảo hiểm con người và Bảo hiểm sức khỏe theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam năm 2023.

Với sứ mệnh phụng sự giá trị Bảo vệ sức khỏe - Bảo an thịnh vượng của cộng đồng, PTI cung cấp các giải pháp bảo hiểm toàn diện bao gồm:

- ✓ PTI SOS – Cứu hộ & Bảo hiểm Ô tô, Xe Máy, Nhà và Thiết bị cá nhân
- ✓ PTI Care – Sức khỏe & Bảo hiểm Du lịch, Nằm viện và Bệnh hiểm nghèo
- ✓ PTI Commercial – Chuyên gia tư vấn & Giải pháp Bảo hiểm rủi ro cho khách hàng doanh nghiệp

PTI sở hữu mạng lưới phục vụ, chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp lớn nhất Việt Nam với 55 chi nhánh, hơn 200 phòng giao dịch trên toàn quốc và gần 11.000 điểm bưu cục, bưu điện phủ khắp 34 tỉnh thành.

PTI cam kết mang đến cơ hội tiếp cận bảo hiểm cho khách hàng mọi lúc, mọi nơi thông qua Hệ sinh thái dịch vụ bảo hiểm toàn diện, tin cậy và đơn giản.



BẢO HIỂM DU LỊCH QUỐC TẾ

- ✓ Chi trả cho mọi rủi ro phát sinh trong chuyến hành trình du lịch nước ngoài của khách hàng
- ✓ Quyền lợi bảo hiểm lên đến **2.500.000.000 VNĐ**/người
- ✓ Phí bảo hiểm chỉ từ **125.000 VNĐ**/người/chuyến đi
- ✓ Dịch vụ hỗ trợ y tế toàn cầu và hỗ trợ du lịch **24/7**

TÌM HIỂU NGAY



NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

• Là người được nêu tên trong Giấy chứng nhận bảo hiểm và hiệu lực bảo hiểm đã được xác nhận.

• Tuổi của Người được bảo hiểm được tính theo năm dương lịch (tính từ năm sinh theo giấy khai sinh hoặc chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu).

ĐỘ TUỔI BẢO HIỂM

• Độ tuổi từ 06 tuần tuổi đến 80 tuổi.

• Đối với Người được bảo hiểm có độ tuổi từ 66 trở lên sẽ không được hưởng quyền lợi bảo hiểm phần “Tử vong và thương tật do tai nạn”.

THỜI HẠN BẢO HIỂM

Thời hạn bảo hiểm bắt đầu từ ngày Chuyển đi bắt đầu như được ghi rõ trong Hợp đồng bảo hiểm/GCNBH và sẽ có hiệu lực cho đến khi Hợp đồng bảo hiểm/GCNBH chấm dứt khi chuyển đi kết thúc

Hoặc là thời hạn được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm

Từgiờ....ngày...tháng....năm đếngiờ...ngày....tháng...năm

HƯỚNG DẪN BỒI THƯỜNG

Vui lòng quét mã QR để xem chi tiết Hướng dẫn bồi thường:



CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Đồng	Bạc	Titan	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương
SỐ TIỀN BẢO HIỂM/NGƯỜI/CHUYẾN	250.000.000	500.000.000	750.000.000	1.250.000.000	1.750.000.000	2.500.000.000
A. HỖ TRỢ Y TẾ Ở NƯỚC NGOÀI						
1. Chi phí y tế Điều trị nội trú Người được bảo hiểm (từ 65 tuổi trở xuống) Người được bảo hiểm (từ 66 tuổi trở lên) Điều trị ngoại trú Người được bảo hiểm (từ 65 tuổi trở xuống) Người được bảo hiểm (từ 66 tuổi trở lên)	250.000.000 125.000.000 12.500.000 7.500.000	500.000.000 250.000.000 25.000.000 17.500.000	750.000.000 375.000.000 37.500.000 25.000.000	1.250.000.000 625.000.000 50.000.000 37.500.000	1.750.000.000 875.000.000 75.000.000 50.000.000	2.500.000.000 1.250.000.000 100.000.000 75.000.000
2. Vận chuyển khẩn cấp Thanh toán các chi phí vận chuyển y tế khẩn cấp do Pacific Cross cung cấp	250.000.000	500.000.000	750.000.000	1.250.000.000	1.750.000.000	2.500.000.000
3. Đưa thi hài về Việt Nam Thanh toán các chi phí cho dịch vụ do Pacific Cross cung cấp khi hồi hương thi hài của Người được bảo hiểm bị tử vong trong khi thực hiện chuyến đi về Việt Nam	250.000.000	500.000.000	750.000.000	1.250.000.000	1.750.000.000	2.500.000.000
4. Đưa thi hài về nước nguyên xứ Thanh toán các chi phí cho dịch vụ do Pacific Cross cung cấp khi hồi hương thi hài của Người được bảo hiểm về nước nguyên xứ	25.000.000	75.000.000	125.000.000	250.000.000	375.000.000	500.000.000
5. Hỗ trợ y tế toàn cầu và hỗ trợ du lịch (Pacific Cross) Luôn sẵn sàng 24/7 để hỗ trợ bạn trong suốt chuyến đi. Chỉ cần thực hiện gọi điện đến Pacific Cross bất cứ lúc nào để nhận dịch vụ sau đây : Thông tin trước chuyến đi Thông tin về đại sứ quán Thông tin về người cung cấp dịch vụ y tế. Tư vấn y tế qua điện thoại	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm
6. Thăm viếng tại bệnh viện Thanh toán một vé khứ hồi loại phổ thông cho một người thân trong gia đình sang thăm khi Người được bảo hiểm phải nằm viện điều trị nội trú từ 10 ngày trở lên	25.000.000	50.000.000	62.500.000	87.500.000	125.000.000	175.000.000
7. Thăm viếng để thu xếp việc tang lễ Thanh toán một vé máy bay loại phổ thông cho một người thân sang để thu xếp hồi hương thi hài của Người được bảo hiểm trong trường hợp cần thiết	25.000.000	50.000.000	62.500.000	87.500.000	125.000.000	175.000.000
8. Chăm sóc trẻ em Chi phí ăn ở hợp lý phát sinh thêm cho trẻ em dưới 14 tuổi đi cùng và một vé loại thường đưa trẻ em đó về Việt nam hoặc Quê hương.	25.000.000	50.000.000	62.500.000	87.500.000	125.000.000	175.000.000
B. HỖ TRỢ TẠI NẠN CÁ NHÂN						
9. Tử vong do tai nạn Người được bảo hiểm (đến hết 65 tuổi) Trẻ em được bảo hiểm (theo Hợp đồng bảo hiểm gia đình)	250.000.000 50.000.000	500.000.000 125.000.000	750.000.000 187.500.000	1.250.000.000 312.500.000	1.750.000.000 437.500.000	2.500.000.000 625.000.000
Thương tật do tai nạn (trả theo tỷ lệ thương tật quy định trong Bảng tỷ lệ bồi thường) Người được bảo hiểm (đến hết 65 tuổi) Trẻ em được bảo hiểm (theo Hợp đồng bảo hiểm gia đình)	250.000.000 50.000.000	500.000.000 125.000.000	750.000.000 187.500.000	1.250.000.000 312.500.000	1.750.000.000 437.500.000	2.500.000.000 625.000.000
C. HỖ TRỢ ĐI LẠI						
10. Cắt bớt hay Hủy bỏ chuyến đi Bồi thường tiền đặt cọc bị mất và chi phí đi lại tăng lên do việc Người được bảo hiểm, người thân trong gia đình, đối tác kinh doanh hoặc bạn đồng hành bị chết, ốm đau thương tật nghiêm trọng, Người được bảo hiểm phải đứng ra làm chứng, triệu tập hầu tòa hoặc cách lý kiểm dịch.	Không áp dụng	50.000.000	75.000.000	100.000.000	150.000.000	225.000.000
11. Hoàn chuyển đi Thanh toán các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến việc đặt lại vé và chỗ ở của Người được bảo hiểm đã trả trước, với điều kiện là việc hoàn chuyển đi phải xảy ra trong vòng 30 ngày trước ngày khởi hành từ Việt Nam.	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	12.500.000	25.000.000	25.000.000
12. Hỗ trợ người đi cùng Thanh toán chi phí cho phần còn lại của chuyến đi chưa thực hiện theo lịch trình của Người thân hoặc Người đi cùng do Người được bảo hiểm phải nằm viện điều trị nội trú và chuyến đi dự kiến bị gián đoạn.	25.000.000	50.000.000	62.500.000	87.500.000	125.000.000	175.000.000
13. Hành lý cá nhân Thanh toán các chi phí mất mát, hỏng hóc hay thiệt hại hành lý tư trang do tai nạn hoặc vận chuyển nhầm của Hãng vận chuyển. Tối đa mỗi hạng mục là 6.250.000 VNĐ và cho một bộ hay đôi là 12.500.000 VNĐ.	7.500.000	12.500.000	17.500.000	25.000.000	37.500.000	62.500.000
14. Hành lý bị đến chậm Chi phí mua vật dụng vệ sinh thiết yếu và quần áo tối đa 1.625.000 VNĐ một mục khi hành lý bị thất lạc ít nhất 12 tiếng liên tục kể từ khi tới đích ở nước ngoài.	1.625.000	2.500.000	3.125.000	6.250.000	12.500.000	17.500.000
15. Mất giấy tờ thông hành Thanh toán chi phí xin cấp lại hộ chiếu, visa, vé máy bay, chi phí đi lại và ăn ở phát sinh do các giấy tờ thông hành bị mất trộm, cướp và tổn thất bất ngờ. Giới hạn chi phí một ngày là 10% giới hạn trách nhiệm mỗi chương trình bảo hiểm.	7.500.000	12.500.000	17.500.000	25.000.000	50.000.000	75.000.000
16. Chuyển đi bị trì hoãn Thanh toán chi phí phát sinh đi lại bằng các phương tiện giao thông công cộng ở nước ngoài do trực tiếp của việc trì hoãn chuyến đi do thời tiết xấu, bãi công, cướp phương tiện giao thông tối đa 3.125.000 VNĐ cho 12h liên tục hoặc tối đa 12.500.000 VNĐ.	3.125.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000